

Bánh Xe Đại Bi

Wheel of Great Compassion – Lorne Ladner

Quán Chiếu bằng Từ Nhân

Nói chung, trọng tâm của nhà Phật là phần thực hành *nội tại*, chuyển hoá tâm thức. Ngài ĐạtLai Lạtma từng dạy rằng 1 hành vi có theo đúng quy tắc Phật Pháp hay không chủ yếu tùy thuộc ở **động cơ** và **sự hiểu biết** của chủ nhân. Những hành vi thúc đẩy bởi tâm tham, sân, hoặc si, bất luận dưới hình thức nào, đều không phải là pháp hành của nhà Phật. Và cũng bất luận về phần hình thức, những hành vi khởi động do tâm từ bi và chánh kiến, sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của sự vật, đều phải được xem là pháp hành của nhà Phật. Đạo sư Zopa đã vạch rõ rằng “ta chỉ có thể phán xét hành vi của con người là thánh thiện hay phạm phu qua động cơ của họ mà thôi”; ông cũng nói thêm, “tất cả sự vật –hạnh phúc tạm thời và tội hủ, những vấn đề trong đời sống, và những khổ đau bất tận trong tương lai của cõi tabà– đều tùy thuộc ở tâm ta.”

Vì ở đây **tâm** và **tu tâm** được đặc biệt chú trọng nên câu hỏi được đặt ra là các vật cụ thiêng liêng như kinh luân (bánh xe cầu nguyện) đóng vai trò gì trong pháp hành nhà Phật. Thật ra, từ thời xa xưa, một số vật cụ đã được nhà Phật xếp vào thành phần thiêng liêng. Thí dụ như y và bát của chư tăng tuy chỉ là những biểu tượng bề ngoài, nhưng đã từ lâu chúng được coi trọng với tính cách là những vật cụ nhắc nhở lời thệ nguyện trong tâm tăng sĩ về giới luật cũng như con đường tu hành. Và trước khi nhập diệt, đức Phật đã để lại di huấn là hãy nên lưu giữ xá lợi của Ngài trong bảo tháp. Kể từ đó, các bảo tháp tồn chứa xá lợi của các bậc thánh đã được xây dựng và tôn kính.

Trong 1 buổi đàm đạo về kinh luân với Đạo sư Pema Wangdak, vị Lạtma Tây Tạng hiện đang cư trú và giảng dạy tại NữUớc, ông cho rằng “việc quay chuyển kinh luân cũng tương tự như đi nhiều quanh bảo tháp.” Ông giải thích thêm là “bất cứ việc gì được thi hành với biểu tượng thân, khẩu, và ý của Phật sẽ để lại dấu vết sâu đậm trong tâm khảm.”

Giáo lý nhà Phật về nghiệp giảng rằng những hành vi thực thi qua sự liên hệ với các vị thánh nhân hoặc các vật cụ thiêng liêng như bảo tháp hoặc kinh luân thì đặc biệt rất hiệu nghiệm. Giao tiếp với những người hoặc vật như vậy sẽ ghi khắc ấn tượng sâu xa vào tâm. Kinh điển Đại thừa có tả rõ vào chi tiết những lợi lạc kỳ diệu về sự liên hệ với vật cụ thiêng liêng –những biểu tượng thân giác ngộ, khẩu giác ngộ, và ý giác ngộ của Phật. [...]

Sự hiểu biết chính xác về sự liên hệ với ngoại vật như bảo tháp hoặc kinh luân có thể hỗ trợ cho việc tu tâm và phát triển các phẩm hạnh nội tâm như thế nào là 1 đề tài rất tế nhị và phức tạp. Trước câu hỏi về năng lực ân phước của các thánh vật hoặc thánh nhân lợi lạc chúng ta như thế nào, đại tôn sư Tây Tạng Lati giảng giải rằng năng lực này không phải chỉ đơn độc ý dựa vào năng lực ở chư Phật mà còn đòi hỏi **tín tâm** của hành giả. Ông nhắc lại lời của các vị Lạtma Kadampa: “Ân phước nhiều hay ít không tùy thuộc ở các Lạtma lớn hay nhỏ, mà nó hoàn toàn dựa trên trình độ nhận thức và mức độ thành tâm của hành giả.” Tương tự, 1 đại tôn sư trẻ, Yangsi, sánh năng lực ân phước của chư Phật với cái cần trục lớn, và tín tâm với cái móc hay xích để cần trục có thể nâng đỡ 1 tảng xi măng nặng: miễn bàn đến sức kéo của cần trục, vấn đề là nó không thể kéo tảng xi măng lên nếu không có cái móc hay xích.

Tâm Phật –toàn trí [Pháp thân]– thường được hiểu là hiện diện ở khắp mọi nơi đồng lúc. Tuy nhiên, vì vô minh, chướng ngại, và ác nghiệp, chúng ta không thể nhận biết được Pháp thân Phật. Và cùng thế ấy, tương truyền rằng dù đức Phật có ban rải xuống trần mưa các tịnh-thân, chúng ta cũng sao tiếp nhận được; chúng ta chẳng khác gì những cái hũ lật úp không thể hứng bắt được ngay cả 1 giọt của trận mưa huyền diệu như vậy. Có thể vì vậy nên chư Phật, qua năng lực từ bi, các phương tiện thiện xảo, và các đại nguyện của các Ngài, phải thị hiện ở bất cứ thể dạng nào phù hợp với tâm thức chúng sinh. Trong những thị hiện của Pháp thân chư Phật, cao quý và quan trọng nhất là các vị Pháp sư –những vị thầy truyền giảng giáo pháp, guru hay Lạtma– họ giảng dạy con đường dẫn đến giác ngộ, hướng dẫn chúng sinh tu tâm ngộ hầu thanh lọc những khuynh hướng bất thiện, tích lũy công đức và các khuynh hướng thiện, và đạt đến giác ngộ. Có thể ví những thánh vật là những cái móc, và qua chúng chúng ta nối kết với cái cần trục siêu nhiên của những đức tính chư Phật để được thăng hoa.

Thêm 1 điểm đáng ghi nhận là các thánh vật như kinh luân trợ giúp ta **huân tập đức hạnh** cho tâm như thế nào. Giáo lý nhà Phật nhấn mạnh ở điểm sự vật khởi sinh do nhân duyên, cho nên sự thành công trong việc phát triển những đức tính nội tâm cũng phải hội đủ nhiều nhân và duyên, kể cả những yếu tố về môi trường. Tây Tạng có câu cách ngôn là nếu trải 1 miếng vải sạch lên đồng phân bò thì dần nó sẽ đượm mùi phân bò, trong khi phủ 1 miếng vải khác lên nhang trầm thì nó sẽ sặc mùi hương thơm. Cũng vậy, môi trường nơi hành giả (nhất là những vị sơ cơ) cư trú sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm thức họ. Những ai thiên về thiên định sẽ dễ dàng tự kiểm chứng được điều này. (...) Đã nhiều người chứng nhận rằng gần gũi với cái kinh luân có trợ giúp họ thiên định hữu hiệu hơn hoặc phát triển những tâm trạng thiện lành dễ dàng hơn. Tuy là người Tây Tạng khởi tập chuyển kinh luân dựa trên đức tin, tôi cho rằng đa số tiếp tục phương pháp này vì nó mang lại sự an định, hỷ lạc, và những tâm trạng thiện lành mà chính họ chứng đạt được. Điều này chắc chắn là chân thực đối với những hành giả tôi đã từng gặp gỡ trong nhiều năm qua. Một số luận giải Tây Tạng rao giảng rằng 1 cái kinh luân trong 1 toà nhà cũng đủ làm cả toà nhà trở thành Phổ Đà Sơn, xứ tịnh độ của Phật bà Quan Âm (Buddha of Compassion). Nếu như các đại hành giả có thể cảm nhận được các tượng Phật thuyết giảng giáo lý hay có thể nhìn ra các cõi giới thanh tịnh ẩn khuất, thì họ cũng có thể trực nhận được tịnh độ Phổ Đà Sơn chân thực thể hiện quanh kinh luân. Quả vậy, những cuộc đàm thoại với các hành giả pháp môn này cho ta thấy, có lẽ qua sự liên hệ với cái kinh luân, ngay cả những người thật tâm thường cũng có thể thoáng cảm nhận được nguồn năng lực tinh thuần giống như luồng ánh sáng siêu thế xuyên thấu qua những tấm màn của tri thức phàm phu chúng ta.

Thiền và Kinh Luân

Nếu 1 phần mục đích hoặc bản chất của kinh luân là để móc nối chúng ta với chư Phật và tạo ra môi trường thuận lợi cho việc tu tập đức hạnh, vậy thì lẽ tự nhiên là sự nối liền **thiền tập** với **kinh luân** sẽ tăng bồi cho những kết quả thiện lành.

Đối với tôi, pháp thiền được đề nghị trong những bài luận giải có vẻ rất sâu diệu, nó bao gồm những yếu tố quan trọng của KinhĐiền Thừa và Đại Thừa (hoặc KimCang Thừa) trong thiền tập nhà Phật. Pháp hành chuyển kinh luân được thiết lập với chủ ý kết buộc “3 cửa” –thân, khẩu, ý– của hành giả đi kèm với đức

hạnh. Với **thân**, hành giả quay kinh luân. Với **ngữ**, hành giả niệm chú của Ngài Avalokiteshvara. Và với **ý**, hành giả đặt ở pháp quán tưởng.

Đính kèm là bản “**Pháp Thiền Kinh Luân**” trình bày 1 nghi thức thiền tập áp dụng cho kinh luân dựa theo các luận giải Tây Tạng và lời bình giảng của Đạo sư Zopa. Những khổ đau riêng biệt của mỗi cõi trong 6 cõi giới được dựa trên những diễn giải theo truyền thống trong tài liệu đạo-cấp (những cấp bậc của con đường). Những ai quen thuộc với những pháp thiền trong trường phái MậtChú Thừa hay KimCang Thừa của Đại Thừa sẽ nhận thấy 1 số khía cạnh của những pháp thiền này, chẳng hạn như niệm chú và quán tưởng luồng ánh sáng để tịnh hoá và giác ngộ cho tất cả chúng sinh, có nằm trong pháp thiền kinh luân, mà nó cũng có bao gồm cả những đề mục thiền quan yếu trong trường phái Đại Thừa nói chung. Thí dụ, khi đang hành theo nghi thức pháp thiền này, hành giả quán những đề mục về những khổ đau của 3 cõi [địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh], khổ đau của tabà nói chung, những tai hại của 6 căn bản phiền não [tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến], 4 vô lượng tâm [tù, bi, hỷ, xả], và *bồ đề tâm*, loại tâm cao thượng nguyện đạt đến toàn giác để lợi lạc tất cả chúng sinh.

Ngoài ra, pháp thiền kinh luân được sắp xếp theo cách thức tương tự như *kỹ thuật dùng mãnh luyện tâm* gọi là **nhận** và **cho**, kỹ thuật này sẽ sinh khởi tâm đại bi và bồ đề tâm. Khi hành pháp thiền nhận-cho, đầu tiên hành giả phát khởi tâm *xả*, tâm *từ*, và tâm *đại bi*, rồi hành giả tưởng tượng thân nhận tất cả khổ đau của tất cả chúng sinh vào mình. Đây là phần **nhận**. Ở đây, cái mà hành giả thân nhận từ kẻ khác là nỗi thống khổ của họ và những nguyên do gây khổ—những ác nghiệp, phiền não, và ô nhiễm của họ. Kiểu **nhận** này phát xuất từ tâm bi và rồi chính nó sẽ làm tăng trưởng tâm bi, đó là loại tâm được định nghĩa là ước nguyện giải thoát chúng sinh khỏi khổ đau. Theo pháp thiền nhận-cho, tất cả những gì bất thiện lành của mọi người, hành giả quán chúng ở dạng khối đen và thu hút những luồng khói này vào mình để chúng trừ khử những ý tưởng ái ngã trong tâm. Đại tôn sư Pabongka dạy là “hãy quán tưởng tất cả những khổ đau của họ rơi rụng như lông tóc bị dao cạo tiện lìa và chúng chuyển thành những tia hắc xạ hoà tan vào tính ái ngã trong tâm.”

Kế đến hành giả bước sang phần thiền **cho**, lối cho này phát xuất từ tâm từ và ngược lại nó sẽ làm tăng trưởng tâm từ, loại tâm nguyện mong chúng sinh an hưởng hạnh phúc. Cách thức tu tập như sau, hành giả tưởng tượng đem biếu tặng tất cả những gì tốt đẹp nhất mình có—của cải, thân thể, kiến thức, trí huệ, và thiện nghiệp—cho kẻ khác hầu mang lại nguồn hạnh phúc đến với họ. Tuy rằng quán tưởng như vậy không thể giải trừ khổ đau cho kẻ khác, hoặc làm cho họ được an vui, nhưng theo kinh nghiệm của các đại hành giả từ bao thế kỷ nay thì khi thực hành pháp thiền này đến 1 lúc nào đó các phẩm hạnh từ, bi, dũng, kiên cường, và bồ đề tâm sẽ khai mở và phát triển. Và những phẩm hạnh này lại là động lực hỗ trợ cho hành giả tiến triển nhanh chóng đến quả vị toàn giác, nhờ đó hành giả có thể lợi lạc cho chúng sinh theo như ước nguyện.

Trong **pháp thiền kinh luân**, hành giả quán tuần tự 6 cõi giới—địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, atula, trời. Ở mỗi cõi hành giả khởi quán lấy sạch các khổ đau, ác nghiệp, phiền não, và ô nhiễm của tất cả chúng sinh nơi đó. Cũng giống như pháp thiền nhận-cho, hành giả khởi đầu với pháp **nhận** để làm tăng triển lòng bi mẫn. Điểm khác biệt chính giữa 2 pháp thiền kinh luân và nhận-cho là trong pháp thiền kinh luân, khi **nhận**, thay vì quán luồng khói đen mang theo những xấu ác thu hút vào mình, hành giả quán nó hút nhập vào cái kinh luân rồi bị tiêu tan trong đó. Và khi quán **cho**, thay vì chỉ đem cho những gì thiện lành của mình, hành giả biếu tặng tất cả chúng sinh các đức hạnh vô biên của Phật bà Quan Âm, thể hiện thành những ánh quang sắc phóng chiếu đến tất cả chúng sinh trong 6 cõi, mang họ đến toàn giác. Như vậy, pháp thiền kinh luân là phương tiện rất thực tiễn để vun bồi tâm từ, bi, và bồ đề.

Niệm Chú & Kinh Luân

Có lời khuyên hành giả là khi tay chuyển kinh luân thì khẩu nên niệm câu chú (linh ngôn, chân ngôn, minh chú [mantra]) lục tự – *Om mani padme hum*. Theo các chú giải TâyTạng, thực hành cách này sự lợi ích thật không thể lường. Đây là câu chú của Avalokiteshvara, Phật bà Quán Âm, mà đa số dân TâyTạng liên tục chú niệm không ngừng nghỉ. Nó được khắc trên đá, viết trên lá cờ (thánh kỳ), chạm nổi trên châu báu, và thường được bỏ vào bên trong các kinh luân. Đối với người TâyTạng, nó được coi như là *bảo chú*, và vì vậy kinh luân thường được họ gọi là *bảo luân*.

Chú là những chuỗi mẫu tự được gia trì do những vị đã giác ngộ với mục đích mang lại lợi ích cho chúng sinh. ‘**Chú**’ nghĩa là ‘bảo vệ tâm’, nó bảo vệ tâm khỏi bị lung lạc bởi những hình tướng và vọng tưởng thế tục mà hậu quả là khổ đau triền miên trong cõi tabà sinh tử tái tục. Được biết những câu chú khác nhau hàm chứa những lợi ích khác biệt của chúng, và phần nhiều chúng chỉ được bí truyền cho những môn sinh đã dự buổi lễ quán đảnh của đúng pháp hành đó. Thế nhưng đối với bảo chú này thì khác, tôn sư Kalu có nhận định là “uy lực của nó cực kỳ mạnh mẽ” và “bất cứ 1 ai cũng có thể dùng tập được” để rút ngắn con đường đến giác ngộ. Đạo sư Dilgo Khyentse viết, “*bảo chú* này không phải chỉ là 1 câu gồm mấy chữ tầm thường, mà nó chứa đựng tất cả những ân phước cùng với lòng bi mẫn của Ngài [Avalokiteshvara],” và Đạo sư khuyến dụ chúng ta lắng nghe câu chú này, “hãy tụng, hãy đọc, và hãy viết xuống chữ bằng vàng cho thật đẹp đẽ. Bởi vì không có máy may khác biệt giữa chính vị bồn tôn và minh chú –minh chú chính là phần tinh túy của vị bồn tôn– nên những việc làm này sẽ mang lại lợi lạc lớn lao.”

Vai trò của minh chú trong pháp hành nhà Phật thường không được hiểu biết 1 cách đúng đắn ở các xứ Âu Mỹ. Khoa học đã khảo nghiệm và ghi nhận rằng niệm chú làm thân tâm được thư giãn 1 cách rõ rệt, và có những thống kê phân tích vấn đề này cho thấy thiền bằng những câu chú chân truyền có làm giảm bớt sự bồn khoăn lo lắng nhiều hơn các loại thiền khác (kể cả loại thiền dùng những mẫu tự Phạn ngữ chọn theo lối rút thăm hoặc tự lựa lấy những chữ tiếng Anh). Trong sự hiểu biết của người Tây phương về pháp tập niệm chú, họ có khuynh hướng nhắm vào sự thư giãn làm mục tiêu chính. Tuy nhiên kết quả mang lại này, theo quan điểm người TâyTạng, không phải là mục tiêu của việc niệm chú, nó là 1 phản ứng tuy tốt nhưng không đáng kể.

Tôn sư Kalu giảng rằng những vị Phật toàn giác và những vị BồTát chứng ngộ cao (ở địa thứ 8 trở lên) có thể nhận biết những “linh tự” ẩn trong các đường kinh mạch của xác thân vi tế. Họ ‘nhuộm’ những linh ngôn với những năng lực riêng biệt, chẳng hạn như khả năng mang lại sức khoẻ, tăng cường trí thông minh, được sự bảo hộ, v.v... Lạtma Thubten Yeshe nhận thấy linh ngôn KimCang TátĐoã [Vajrasattva] có năng lực tẩy trừ ác nghiệp. Ông giải thích niệm linh ngôn này hàng ngày với sự chú tâm trong sáng có thể ngăn chặn không cho ác nghiệp tăng trưởng như thế nào, và nó “hữu hiệu 1 cách thần kỳ trong việc xoá tẩy các vọng tưởng và những hắc ám của những chướng ngại tâm lý” như thế nào. Lạtma Zopa cũng thường giảng rằng có 1 số linh ngôn nếu chú niệm cho những kẻ trong giờ phút hấp hối, thay vì phải tái sinh vào những đường ác [cõi địa ngục, ngục quỷ, súc sinh], sẽ có khả năng giúp họ tái sinh vào những cõi lành [cõi người, cõi trời], và giúp họ tinh tấn trên con đường đạo. Một số linh ngôn chính yếu là chỉ dùng để chú niệm, còn những linh ngôn khác được sử dụng để lợi lạc kẻ khác bằng những cách như chú niệm, viết lên những lá cờ, viết lên cửa ra vào, hoặc cuộn lại bỏ vào trong bảo tháp hay tượng. Những lợi ích được diễn tả về những linh ngôn đó thường cũng được diễn tả tương tự trong những bài kinh trên kinh luân.

Thật ra, đề tài về linh ngôn và chức năng của chúng trong pháp hành nhà Phật thì thật bao la và thâm thúy. Điểm quan trọng cần phải hiểu ở đây là linh ngôn không phải là lời cầu nguyện đến vị thần linh nào cả. Mà **linh ngôn** –dùng để niệm, hay viết, hay quay– **chính là vị bồn tôn, là sự giác ngộ**, hoá hiện tức thời. Như tôn sư Dilgo Khyentse từng nói, “không có máy may khác biệt giữa chính vị bồn tôn và linh ngôn –phần tinh túy của bồn tôn. Học giả Robert Thurman ghi nhận rằng khi người TâyTạng niệm câu

bảo chú, ý họ muốn nói, “Tất cả đều tốt đẹp. Tất cả đều viên mãn. Trí và bi đang duy trì mọi vi trần (atom)!” Việc chuyển kinh luân và niệm bảo chú là sự toan tính của hành giả chặn dứt ô nhiễm cõi tabà, cõi được đặt trên nền tảng vô minh và thái độ vị kỷ. Với thân, khẩu, và ý hành giả khẳng định rằng Phật bà Quán Âm đang hiện diện tại nơi đây ngay giây phút này, đây là tịnh độ của Ngài, và vũ trụ thì tràn ngập ánh quang từ bi trí tuệ để thức tỉnh chúng sinh.

Về ý nghĩa của câu bảo chú thì được biết rằng ngay cả 1 vị Phật cũng không cách nào diễn giải cho đầy đủ được! Điểm quan trọng cần thấu rõ là *mani* thường được hiểu là “bảo châu” và *padme* thường được hiểu là “liên hoa.” Một diễn dịch thông thường về 2 chủng tự này là chúng biểu tượng cho *phương tiện* (*mani*) và *trí tuệ* (*padme*). Sự kiện chúng được đặt cạnh nhau như thế nói lên rằng phương tiện và trí tuệ cần phải được sát cánh thi hành để có thể tiến triển 1 cách hữu hiệu trên con đường Đạo. Hành giả Đại thừa cũng giống như con chim ưng, muốn bay cần phải có đủ cả 2 cánh; vị bồ tát bay đến bến bờ giác ngộ bằng cặp cánh phương tiện và trí tuệ. Ngài Đatlai Lạtma có viết,

Như vậy lục tự chân ngôn này, *om mani padme hum*, có nghĩa là tùy thuộc ở con đường, sự kết hợp mà không thể tách rời của phương tiện và trí tuệ, mà hành giả có thể chuyển hoá từ thân-khẩu-ý bất tịnh thành thân-khẩu-ý thanh tịnh, cao quý của 1 vị Phật.

Chữ *om* thường được giải thích là nó bao gồm 3 âm –A, U, M– và chúng biểu tượng cho thân-khẩu-ý bất tịnh của hành giả mà có thể được thanh tịnh hoá nhờ pháp hành để chuyển biến thành thân-khẩu-ý cao quý của 1 vị Phật. Ngài Đatlai Lạtma giảng rằng chữ *hum* mang ý nghĩa không thể cách biệt – tức là phương tiện và trí tuệ được phát khởi thành 1 hợp thể bất khả phân ly trong tâm hành giả Đại thừa.

Mỗi chữ trong câu *om mani padme hum* còn được hiểu là nó tương ứng riêng với những thứ phải thanh tịnh hoá hoặc được thành tựu. Thí dụ như, 6 chữ này tương ứng với 6 cõi (cần phải được thanh lọc), tương ứng với 6 căn bản phiền não (tham-sân-si-mạn-nghi-tàkiến, cần phải chế ngự), và tương ứng với 6 loại ngăn che (cần phải được thanh lọc). Chúng cũng được hiểu là tương ứng với 6 độ balamật cần phải thành tựu trên con đường, tương ứng với 6 trí tuệ cần phải chứng ngộ, và tương ứng với 6 Phật bộ cần phải thấu đạt. Bảng sau đây liệt kê vài dữ kiện tương ứng cần thiết cho pháp quán của kinh luân.

<u>LucTur</u>	- <u>MàuSắc</u>	- <u>6 Cõi phải thanh lọc</u>	- <u>6 CănBảnPhiềnNão</u>	- <u>6 Balamật</u>
OM	Trắng	Thiên	Kiều Mạn	Định
MA	Xanh lácây	Atula	Đố Ky	Giới
NI	Vàng	Người	Tham ái	Tinh tấn
PAD	Xanh datrời	Súc sinh	Si	Tuệ
ME	Đỏ	Ngạ quỷ	Tham	Bố thí
HUM	Chàm	Địa ngục	Sân	Nhẫn nhục

Các kinh sách khác có liệt kê thêm 1 số tương ứng. Như trong bản dịch của David Molk về giáo lý của vị vua TâyTạng, Songtsen Gampo,

<u>LucTur</u>	- <u>ThầnThông</u> [tt]	- <u>Avalokiteshvara</u>
OM	tt siêu phàm	đạt được thân Ngài
MA	tt thông thường	đạt được khẩu Ngài
NI	tt trừ bệnh tật, đuổi tà ma	đạt được ý Ngài
PAD	tt tăng tuổi thọ và công đức	đạt được đức hạnh của Ngài
ME	tt kiểm soát người khác, tài sản và thực phẩm	đạt được hành xử của Ngài
HUM	tt diệt trừ kẻ thù, kẻ gây chướng ngại, kẻ làm hại	đạt được nghiệp của Ngài

LucTur - TínhChâtConĐường

OM	đạt được tính chất con đường của	tích tụ
MA	-----	chuẩn bị
NI	-----	sự thấy
PAD	-----	thiền định
ME	-----	vô học
HUM	-----	tâm toàn giác

Theo như kinh sách giảng, nhờ chuyên tâm niệm lục tự chân ngôn nên ngay khi hành giả lia trần là lúc vãng sanh Tịnh Độ và, đến khi Ngài Avalokiteshvara trở thành vị Phật danh hiệu Rasimamamudrata Srikutraraaja hành giả sẽ tái sinh (với cấp bậc bất thối địa), 1 cách kỳ diệu, từ trong 1 hoa sen thuộc về nhóm thánh chúng đầu tiên của Ngài.

Rõ ràng là ý nghĩa của câu bảo chú thật đa diện. Theo kinh nghiệm của riêng tôi [tác giả], đôi khi tôi có cảm tưởng mình chú là 1 sự diễn bày thật cô đọng và đầy thi vị mà qua đó các vị giác ngộ muốn chia sẻ phần nào cái kinh nghiệm bất khả tư nghị của họ – 1 bài thơ gói ghém trong đó lòng từ, trí tuệ, và phi lạc. Cách thức chính để gạt hái lợi ích của câu bảo chú không phải là chỉ nghiên cứu suông, mà phải chú niệm nó. Cũng như 1 người có thể cảm được vào 1 bài thơ hay bằng cách đọc đi đọc lại, thì hành giả có thể thâm nhập được vào ý nghĩa và những lợi lạc của mình chú bằng cách chú niệm nhiều lần. Ngài Tôn sư Dilgo Khyentse viết,

Trong cả 2 hoàn cảnh hạnh phúc lẫn khổ đau, nếu con dùng bảo châu (*mani*) làm nơi ý dựa ... Ngài [Avalokiteshvara] sẽ luôn luôn ở bên con, con sẽ cảm thấy tâm sùng kính ngày càng gia tăng mặc dù không phải nỗ lực, và sự nhận thức của con đường Đại thừa sẽ tự động sinh khởi trong con.

Những nhà luận giải TâyTạng đều phát biểu rằng xoay chuyển kinh luân và niệm bảo chú sẽ khiến cho chỗ ở của hành giả trở thành nơi chốn như tịnh độ Phổđàson, và “cơ đồ” của họ trở nên “tương đương với ngàn vị Phật” và “có nghĩa lý đối với bất cứ 1 ai có duyên với họ” như thế ngay cả “những chúng sinh được chạm vào cái bóng của họ sẽ được thoát ra khỏi các cõi ác.” Lạtma Zopa cũng giảng giải tương tự, nếu hành giả niệm bảo chú tối thiểu **1.000** biến mỗi ngày thì cơ thể họ sẽ được thánh hoá và như vậy sẽ lợi ích cho những ai đụng chạm họ. Điều được nêu lên ở đây là khi dẫn thân vào pháp hành chuyển kinh luân và niệm bảo chú, hành giả thật sự trở thành điểm giao tiếp cho những người muốn tiếp xúc năng lực của vị giác ngộ. Theo 1 nghĩa nào đó, cơ thể của hành giả trở thành giống như 1 thánh địa hay giống như 1 bảo tháp – nơi mà pháp thân toàn giác của Phật hoá hiện để lợi lạc chúng sinh.

Để ý những phản ứng của mọi người và của chính tôi đối với những lời khẳng định về lợi ích của pháp tập này thì thấy khá thú vị. Từ quan điểm tâm thời có tính cách máy móc về thực tại thì những lợi ích như thế có vẻ rất đáng ngờ. Nhưng theo lối nhìn của nhà Phật, khi năng lực tâm và giác ngộ khả đặc được thấu rõ thì những lợi ích kể trên không phải là chuyện hoang đường. Đại hành giả Lạtma Thubten Yeshe giảng rằng trong KimCang Thừa nhà Phật thì biểu tượng và sự quán tưởng có công hiệu như thế nào trong việc “giới thiệu chúng ta với bản tánh”, cái siêu nhiên và vô giới hạn. Ông chỉ cho ta thấy rằng chúng ta bị giam hãm bởi chính cái *ngã kiến* hạn hẹp và tù túng, và bị nô lệ bởi “sự áp chế của hình tướng và vọng tưởng.” Ông nói mật tông nhà Phật thách thức chúng ta giải toả cái ngã kiến khiếm khuyết này và mở rộng tâm nhìn để thừa nhận rằng chúng ta “đẹp đẽ 1 cách phi phạm – không khác gì thiên thần, tiên nữ,” và như vậy ta nhìn nhận “cái kinh nghiệm tính giác tiềm ẩn trong nội tâm.”

Theo kinh nghiệm của riêng tôi, kinh luân có khả năng khuyến khích chúng ta vượt thoát ra ngoài cái khuôn ngã kiến chật hẹp và áp bức, và nó cũng nhắc nhở ta là điều này có thể thực hiện được. Khi nào cảm thấy xuống tinh thần hoặc hơi khắc nghiệt quá đối với chính mình, tôi lại đọc lại bài giảng về lợi ích

của pháp hành kinh luân. Có lần Lạtma Zopa cho tôi xem miếng giấy viết tay ghi những lợi ích được buộc vào kinh luân. Sự kiện này đã khuyến khích tôi đối diện với thử thách về sự giới hạn của mình, và cố gắng vui vẻ với sự can đảm nhìn nhận rằng tôi là nguồn lợi lạc lớn lao cho chúng sinh cũng như có khả năng phụng sự họ châu đáo.

Trong khi suy nghiệm về vấn đề này, tôi may đọc được 1 câu chuyện kỳ thú trong quyển sách của Delog Dawa Drolma – 1 vị lạtma có tầm nhìn xa rộng và cũng là thân mẫu của Chagdud Tulku. Quyển sách kể lại cuộc hành trình của bà qua các cõi giới trong lần chết hụt, nó có nét giống như những gì Dante mô tả về chuyến đi của ông qua thiên đàng và địa ngục. Có nhiều lúc, nhất là khi du hành qua địa ngục, bà kể rằng thấy có những người quay chuyển kinh luân và cất giọng ngọt ngào hát câu bảo chú hay lời cầu nguyện bi mẫn nào đó; nhân những dịp này, có những chúng sinh đang chịu thống khổ dưới địa ngục bốc lên và theo những người này về những cõi tịnh độ. Có lần 1 sư cô dẫn cả ngàn chúng sinh ra khỏi địa ngục đi về hướng tịnh độ của Phật mẫu Tara. Bà Dawa Drolma để ý thấy vị sư cô có thể làm được việc này nhờ những chúng sinh “được móc nối với sư cô qua câu chú hay đụng chạm.” Điều này có nghĩa là, vị sư cô đang hành pháp tập này có thể cứu giúp những chúng sinh đó chỉ vì họ đã từng chạm sư cô hoặc đã được nghe lời sư cô nói trong kiếp trước.

Khi còn trẻ, những truyền thuyết anh hùng thời vua Arthur làm tôi rất lý thú. Có những vị anh hùng đi lùng kiếm và tìm thấy những vật cụ kỳ diệu như Holy Grail (ly thánh) và Excalibur (gươm báu) dùng để cứu giúp kẻ khác. Theo truyền thuyết, kinh luân được vị đại sĩ Bồ tát Long Thọ (Nagarjuna) mang đến cõi người từ cõi rồng nagas; kinh luân rất đặc biệt ở chỗ nó cũng là vật thần diệu hoặc thiêng liêng có năng lực khuyến khích hoặc, có lẽ, thách thức ta trực nhận bản tánh, cái khả năng tiêu biểu có thể giác ngộ và cái tâm bi mẫn huyền diệu.

Biểu tượng: Pháp Luân chói lọi quang huy

Một trong những biểu tượng phổ thông nhất trên thế giới, kể cả trong và ngoài phạm vi nhà Phật, là cái bánh xe hoặc vòng tròn dùng để tượng trưng cho mặt trời. Một học giả khẳng định rằng khái niệm bánh xe mang ý nghĩa mặt trời là 1 trong những ý niệm cổ xưa nhất đã có mặt ở khắp mọi nơi. Biểu tượng loại này đã từng hiện hành ở Ấn Độ thời Đức Phật, và chắc chắn là nó có ảnh hưởng đến kiến giải về bánh xe dùng làm biểu tượng trong nhà Phật. Lạtma học giả TâyTạng Dargyab diễn giải về cái bánh xe, “Vòng tròn ... là 1 biểu tượng phổ thông đã có trong tất cả các nền văn minh. Vào thời tiền Phật giáo ở Ấn Độ ... [bánh xe thường được dùng] để tượng trưng cho mặt trời, hoặc, dựa theo đây, cho thời gian hay cho bất cứ sự vận chuyển theo chu kỳ nào.”

Trong truyền thống Ấn Độ, thần mặt trời Surya trong bức hoạ đang trên cỗ xe chỉ có 1 bánh, tượng trưng cho vòng cầu mặt trời, và vị trí của ông ta cho thấy con đường băng qua bầu trời từ Đông sang Tây mỗi ngày. Tôn giả Chandragomin, nổi danh là 1 người cực kỳ sùng kính Phật bà Quán Âm, viết về động cơ từ bi quảng đại của bồ tát, đặc biệt dùng hình ảnh vị thần Surya trong cỗ xe mặt trời của ông:

Thần mặt trời Surya
Bước lên cỗ xe lạ thường,
Bay băng qua bầu trời,
Thấp sáng thế gian ...
Và cũng giống vậy
Hành xử của các bậc thánh
Họ không mong cầu gì
Cho riêng họ,
Cuộc đời của họ hiển dăng
Cho bài ca độc nhất:
Niềm an lạc và hạnh phúc
Của mọi chúng sinh.

Thoạt kỳ thủy, thần Surya được mô tả qua những bức tượng hình bánh xe mặt trời, và những bức tượng này rất giống những bức tượng bánh xe Pháp của nhà Phật. Ở Ấn Độ có 1 truyền thống rất cổ về vị Chuyển Luân Vương [chakravartin] mà hình như có liên hệ đến lối nhìn tôn giáo và hình tượng dính líu đến thần Surya. Ở đây bánh xe là biểu tượng của “toàn năng.” Hiển nhiên là ý nghĩa nguyên thủy của cụm từ “chuyển luân vương” là 1 ông vua với quyền năng tối cao thì đi xe đến đâu ông ta sẽ thống trị đến đó. Vậy ta có thể nói rằng vị vua chuyển luân nổi lên ở địa vị quyền thế cũng tự nhiên như là mặt trời mọc và ông ta cai trị với quyền năng giống như ánh quang và quyền năng thiết yếu của mặt trời.

Sự quan hệ các vị vua với hình tượng mặt trời là chủ đề thông thường đối với nhiều nền văn hoá. [...]

Bánh xe vẫn luôn luôn là biểu tượng quan trọng trong nhà Phật. Biểu tượng bánh xe chắc chắn đóng vai trò quan trọng trong suốt cuộc đời Đức Phật Thích Ca.

Tương truyền rằng khi Đức Phật đản sinh, phụ vương ngài có tham vấn 1 nhà tiên tri nhờ tiên đoán tương lai của vị hoàng tử. Đứa bé sinh ra với những dấu hiệu kỳ lạ và cát tường trên thân thể, kể cả những dấu vết tự nhiên hình bánh xe trong lòng bàn chân và bàn tay. Những dấu như vậy thuộc về 32 tướng hay 32 đặc tính cơ thể của người phi thường (đại nhân) –đó là kết quả của vô số thiện nghiệp. Nhà tiên tri cho biết vị Phật tương lai này có những đặc tính lạ thường; nếu cậu bé không trở thành 1 vị chuyển luân vương thì sẽ là 1 vị Phật, đấng toàn giác.

Đến thời Đức Phật, người ta cho rằng chiếc bánh xe của chuyển luân vương không phải chỉ trong giới hạn là thành phần của cỗ xe, mà nó đã trở thành 1 trong 7 biểu tượng tối cao. [...] Khi còn là trai trẻ, Đức Phật có sự lựa chọn: trở thành vị chuyển luân vương quyền năng hoặc rời bỏ cung điện và đi vào rừng sâu yên tĩnh để tham thiền nhập định và tìm cầu sự giác ngộ của quả vị Phật. Ngài chọn con đường thứ nhì, và sau nhiều năm thiền định, Ngài giác ngộ được bản tánh của vạn hữu. Ngay cả vị chuyển luân vương cũng không thể thoát được khổ đau của sự mất mát, bệnh, lão, và tử. Theo quan điểm nhà Phật, chỉ có trí tuệ giác ngộ mới vượt được ra ngoài những trói buộc trên.

Đức Phật từ bỏ không chọn con đường chuyển luân vương – cửa ngõ để nắm quyền lực vô giới hạn của thế gian. Theo truyền thuyết, ngay sau khi giác ngộ Ngài ngồi trong tĩnh lặng cho đến khi các chư thiên đến và nói với Ngài: “Này hiền đệ của từ bi, hãy khởi dậy và chuyển bánh xe Pháp cao quý.” Chuyển Pháp luân ám chỉ sự ban phát giáo lý về chân lý, con đường đến giác ngộ của Phật. Vị Đạtlai Lạtma đời thứ nhất ví Đức Phật là 1 “vị vua của chân lý” và là 1 “Pháp vương.” Vậy, thay vì trở thành 1 vị chuyển luân vương thế tục, Ngài đã trở thành 1 vị vua của thế giới chân lý, và bằng cách chuyển bánh xe Pháp, Ngài đánh thức và chỉ cho chúng sinh chân tướng của vạn hữu.

Một số nhà luận giải Tây Tạng cho rằng chuyển kinh luân tức là “chuyển Pháp luân.” Một vị nói rằng khi tập chuyển kinh luân, “hành giả mót nối được với [1 vị Phật] đang chuyển Pháp luân.” Các luận giải cũng đồng ý rằng thực hành đến mức độ rốt ráo hành giả sẽ trở thành 1 vị Phật – vị vua của chân lý chuyển Pháp luân cho chúng sinh.

Trong những suy tư của riêng tôi về đề tài này, tôi liên tưởng đến 4 loại nghiệp quả. Một hành động ác như giết hại có thể bao gồm: *hậu quả chín mùi* đưa đẩy tái sinh đến các cõi ác, *quả phù hợp với nhân* thí dụ như thọ mạng ngắn ngủi, *hành động phù hợp với nhân* thí dụ như tiếp tục giết hại trong kiếp này hoặc/và những kiếp tới, và *hậu quả môi trường* chẳng hạn như phải sinh sống ở những nơi bạo động. Những lợi ích của nghiệp báo mang lại do tu tập kinh luân tuy khó hình dung được, nhưng ta có thể tìm thấy trong các luận giải có bao gồm 4 loại nghiệp quả này. Thí dụ, *hậu quả chín mùi* đưa đẩy tái sinh trở lại vào cõi người hoặc cõi thiên. *Quả phù hợp với nhân* có thể là đạt được những chứng ngộ và những đức tính mà hành giả đã quán tưởng phóng chiếu đến kẻ khác, và sẽ được nhận lãnh giáo lý trực tiếp từ 1 vị Phật khi Ngài chuyển Pháp luân. *Hậu quả môi trường* có thể là được sinh sống ở nơi chốn đẹp đẽ thanh tịnh như cõi tịnh độ. *Hành động phù hợp với nhân* trong các kiếp sau này có thể tâm từ bi sẽ rộng lớn, tiếp tục tu tập kinh luân, và ngay cả chuyển Pháp luân cho kẻ khác.

Thật ra chi tiết về nghiệp quả chín mùi như thế nào thì nằm ngoài tầm lý trí của phàm nhân, song sự nhận biết của biểu tượng liên hệ với bánh xe trong truyền thống nhà Phật có thể rất hữu ích cho hành giả khi suy nghiệm về ý nghĩa và lợi ích của pháp hành kinh luân. Suy nghĩ đến những lợi ích này có thể giúp hành giả hoan hỷ thi hành các việc thiện và như vậy năng lực của chúng sẽ được gia tăng.

Nhận biết về những âm hưởng biểu tượng trong nghi thức kinh luân có thể giúp ta thấu hiểu được là nghi thức khơi lên những gì. Nếu như chư Phật liên lạc với tâm hiện-thức (conscious mind) qua giáo lý về những đề tài như vô thường, từ bi, và tánh Không, thì y như thế, các Ngài liên lạc với tiềm thức (subconscious) qua những nghi thức và biểu tượng để đánh thức những khả năng còn tiềm ẩn.

Đến đây tôi sẽ bàn về 3 đức tính tiêu biểu của biểu tượng mặt trời có thể liên hệ đến pháp tập kinh luân như thế nào. Việc bàn luận này là 1 nỗ lực của tôi, trên cương vị 1 người Tây phương hiện đại, trong việc tìm hiểu sự việc mà những người ở thời đại và nền văn hoá khác có thể đã trực nhận được. Tôi mong rằng những gì tôi bàn ở đây có thể giúp các bạn đã thông được vấn đề mà có vẻ mù mờ do loại ngôn ngữ xa lạ của biểu tượng. Tuy nhiên tôi không có ý khẳng định những suy nghiệm sau đây bảo đảm là đúng đắn đối với pháp tập kinh luân.

1/ Một loại biểu tượng mặt trời tiêu biểu được kinh luân gọi lên là hình ảnh siêu thời gian của mặt trời ban phát sự bảo hộ chống lại các ảnh hưởng tà ma của bóng tối. Có những chỗ trong các luận giải TâyTạng nói rằng chuyển quay kinh luân sẽ bảo vệ hành giả khỏi những tà lực như atula, dạ xoa, quỷ mara, những kẻ quấy rầy, và “những hành tinh ma quỷ.” Ở Ấn Độ thời cổ cùng những nơi khác, họ tin rằng mặt trời có khả năng “xua đuổi bóng tối và ma quỷ rời xa các vị trời trên không trung cũng như ra khỏi quả địa cầu.” Họ cũng tin rằng tính chất thần linh của mặt trời cũng có thể giải trừ được ảnh hưởng của các sao xấu trong tứ vi. Thường được mô tả trong các bức họa (như trong các hang động ở Bhaja) là thần Surya chạy xe của ông và “tiêu diệt các tà lực (được nhân cách hóa thành ma quỷ) của bóng tối.” Thế nhưng, dù những luận giải TâyTạng đề xướng rằng các nghi thức kinh luân có thể xua đuổi được những tà lực bên ngoài, họ vẫn nhấn mạnh rằng việc tu tập chính yếu là để tận diệt các tà ma nội tâm như tính vi kỷ, kiêu mạn, sân hận, và vô minh. Trên con đường gian nan đi qua những vùng đen tối của nội tâm, chuyển kinh luân có thể thấp sáng lối đi, cũng như tâm từ bi có thể làm nhẹ voi những nỗi buồn khổ tăm tối nhất.

2/ Một loại biểu tượng mặt trời mà kinh luân có thể ám chỉ là nguồn ánh sáng, sự ấm áp, và sự sinh trưởng từ mặt trời. Vì mặt trời mang lại ánh sáng và hơi ấm đến mọi sinh vật trên quả đất và làm cây cối đâm chồi nảy nở, nên nó được xem là biểu tượng của sự tốt lành, thánh thiện, và thịnh vượng. Tương tự, luận giải TâyTạng cũng nêu lên những ích lợi kinh luân có thể mang lại cho hành giả như sức khỏe, của cải, hạnh phúc, ... Tuy nhiên, pháp quán có chỉ rõ là những luồng ánh sáng từ kinh luân phóng chiếu đến chúng sinh với mục đích chính là làm tăng trưởng Đạo tâm. Có những đoạn trong bài luận giải hướng dẫn cách thức quán tưởng trong khi đang chuyển kinh luân thì đặc biệt tả rõ quán tưởng những luồng ánh sáng phóng chiếu từ kinh luân “bắn vào chúng sinh,” làm cho họ “khởi phát tức thì 4 vô lượng tâm – từ, bi, hỉ, xả” và làm họ “thành tựu 6 hạnh balamật –bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định, huệ.” Lời nói này giống như những lời miêu tả về Đức Phật, chẳng hạn như đoạn sau đây trong kinh Hoa Nghiêm:

Khi đã viên mãn các hạnh bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, định, và trí tuệ siêu việt,
Ngài dùng chúng để thấp sáng thế gian.

Ánh sáng tâm linh của Đức Phật trong bài kinh này, giống như ánh sáng tâm linh được quán tưởng phóng chiếu từ kinh luân, có công năng khơi nhiệt tâm của hành giả vào việc thực hành và hoàn mãn 6 hạnh balamật. Sáu hạnh balamật chính là cốt lõi của pháp hành bátát đạo dẫn đến toàn giác, hoặc quả vị Phật. Theo 1 luận giải, qua pháp hành này, “hành giả sẽ chín mùi như năm được mùa.”

3/ Một loại biểu tượng thứ 3 theo tôi hiểu về pháp tập kinh luân là sự di chuyển của mặt trời băng qua bầu trời đi về hướng Tây hàng ngày là 1 biểu tượng của chánh đạo (con đường phải/đúng). Sự kiện cái kinh luân được quay theo chiều kim đồng hồ (bên phải), cũng như việc đi nhiều quanh bảo tháp theo chiều bên phải, có thể mang ý nghĩa của biểu tượng này. Theo truyền thống nhà Phật, đi nhiều bên phải là dấu hiệu của sự tôn kính; 1 số kinh Phật tả các vị đệ tử đi nhiều bên phải 3 lần quanh Đức Phật rồi đánh lễ Ngài trước khi thỉnh cầu Ngài thuyết pháp. (Cụm từ *chiều kim đồng hồ* lấy theo ý của từ ngữ trước đó được chuyển dịch từ chữ Phạn “chiều mặt trời.”) Lajma Govinda, khi viết về tập tục đi nhiều này, có ghi nhận rằng tại đại bảo tháp ở Sanchi, “các cổng được đặt đúng theo phương hướng tương ứng với các vị trí của mặt trời: bình minh, giữa trưa, xế chiều và nửa đêm,” với mỗi cổng tương ứng với 1 trong 4 biến cố lớn trong đời Đức Phật: đản sinh phương Đông, giác ngộ phương Nam, chuyển Pháp luân phương Tây, và nhập diệt phương Bắc. Thế thì khi đi nhiều quanh 1 bảo tháp như vậy, hành giả vừa bày tỏ lòng kính ngưỡng vừa noi theo, 1 cách tượng trưng, con đường mà cuộc đời Đức Phật trải qua –tức là đi theo con đường phải (đúng).

Có vẻ như chúng ta liên hệ chữ *phải* qua 2 khía cạnh, 1) ngụ ý là bên phải, và 2) ngụ ý là chân thực, đạo đức và đúng. Trong trường hợp này nó liên hệ đến cái ý khuôn mẫu cổ xưa về việc đi nhiều theo chiều kim đồng hồ, với phần thân bên phải hướng vào trong. Ông William Simpson cho rằng chữ Phạn *rita* đầu tiên dùng để nhận biết “con đường mà mặt trời đi qua hàng ngày từ lúc mọc đến lúc lặn,” sau đó nó mang

ý nghĩa “nền tảng bất diệt của tất cả hiện hữu,” “luật lệ nói chung,” và “tất cả những gì đúng, tốt, chân thực.”

Ta có thể suy luận rằng diềm lành của chiều kim đồng hồ là cái ý khuôn mẫu có tính cách phổ quát, vì trong kỹ thuật hiện đại các đồ dùng như ổ khoá, vòi nước, nút vặn, v.v... thường được chế tạo là phải vặn theo chiều kim đồng hồ để bật nó lên.

Cho nên qua động tác đơn giản là chuyển kinh luân hoặc đi nhiều quanh 1 thánh vật theo chiều kim đồng hồ, tức là hành giả đang khơi động 1 biểu tượng xa xưa và phổ quát có liên hệ với sự kính ngưỡng, sinh hoạt chân chính, và việc theo đuổi con đường giác ngộ chân thực.

ooo Trước khi kết luận, tôi thấy cần đề cập đến vài đặc tính tượng trưng về cấu trúc bên trong của kinh luân. Theo 1 số luận giải TâyTạng, ngay chính giữa kinh luân có lấp 1 cái “sinh-thụ [cây sống]” (hoặc cột trung ương) dùng để viết lên đó những linh ngôn và những mẫu tự thiêng liêng. Kiểu cấu trúc này cũng tương tự như sinh-thụ đặt ngay giữa các bảo tháp. Ở trên đỉnh và dưới đáy kinh luân được khắc các kiểu hình tựa như mạn đà la (mandala) và chúng cũng có mang những linh ngôn và mẫu tự. Cả 2 kiểu kiến trúc này [kinh luân và bảo tháp] đều có hoa sen 6 cánh ở gần trung tâm, mỗi cánh tương ứng với 1 mẫu tự của bảo chú. Kiểu hình dưới đáy được gọi là “địa luân,” và kiểu hình trên đỉnh được gọi là “thiên luân.”

Chữ mandala của Tạng ngữ là *kyilkor*, nghĩa là “chính giữa và môi trường xung quanh.” Tuy từ ngữ này không được các luận giải TâyTạng trực tiếp nhắc đến, nhưng truyền thống TâyTạng hiểu rõ là câu linh ngôn Avalokiteshvara chính thật là sự biểu hiện của tâm toàn trí của Ngài. Vậy muốn cho phải phép, ta cần phải thanh tẩy chỗ chính giữa và xung quanh của bên trong kinh luân, bằng cách xoay các bảo chú quanh sinh-thụ, trước khi cung thỉnh Ngài Avalokiteshvara đến ngự trong kinh luân.

KẾT LUẬN: Suy ngẫm về các biểu tượng của pháp tu tuy là điều cần thiết, nhưng nên nhớ là điểm quan trọng không kém, nhất là trong nhà Phật, là biểu tượng được sử dụng với mục đích vạch chỉ những kinh nghiệm mà chính chúng siêu việt luôn cả biểu tượng. Như kinh Hoa Nghiêm nói,

Năng lực tâm linh của các bậc giác ngộ thật không thể nghĩ bàn.
Dù rằng ta có diễn tả bằng ẩn dụ,
Xét cho cùng chẳng ẩn dụ nào có thể sánh được;
Tuy nhiên những kẻ thông tuệ
Có thể nắm được ý nghĩa bằng cách đối chiếu.

Tương tự như thế, về ý nghĩa của bảo tháp, Ngài Đatlai Lạtma nói rằng: “bảo tháp chân thật là bảo tháp ở ngay trong tâm mỗi chúng ta.” Bằng các phương tiện như biểu tượng, nghi lễ, thờ phượng, và tu tập, ta có thể thấy kinh luân toả chiếu của giác ngộ và từ bi ngay trong tâm ta.

PHÁP THIÊN KINH LUÂN

Nam Mô Đấng Đạo Sư, Quán Thế Âm Đại Sĩ, Vị Phật Đại Bi
Om Mani Padme Hum

Quy Y và Phát Bồ đề Tâm (3x)

*Con xin quy y Phật, Pháp, và Hiền Thánh Tăng cho đến khi con thành tựu bồ đề.
Do công đức gặt hái được nhờ ở thiên cho và các hạnh balamật,
xin cho con thành tựu quả vị Phật để lợi lạc tất cả chúng sinh.*

Phục Nguyên

Mục đích đời sống của con không phải là để đeo đuổi hạnh phúc cho chính mình cũng như để giải trừ phiền não của riêng mình. Mục đích đời sống của con là cứu độ vô lượng chúng sinh, làm cho con hữu dụng và lợi ích cho họ. Con sẽ độ từng người một khỏi tất cả những khổ đau của họ và dẫn họ đến hạnh phúc trong đời sống này, những kiếp sống tương lai, những tái sinh tốt lành, hạnh phúc chân thực của sự giải thoát khỏi cõi tabà, và rồi hạnh phúc tối thượng của giác ngộ viên mãn.

Quán Tưởng & Chú Niệm

Bắt đầu chuyển bảo luân theo chiều kim đồng hồ và niệm câu chú: *Om Mani Padme Hum*. Đồng lúc với chuyển kinh luân và niệm chú, tịnh quán chúng sinh ở các cõi như sau (càng lâu càng tốt):

THANH TỊNH HOÁ BẢN THÂN

Những tia ánh sáng phóng chiếu từ bảo luân kéo hút ra tất cả ác nghiệp, phiền não và tất cả những ô nhiễm của hành giả. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, hành giả phát triển từ-bi-hỷ-xả và bồ đề tâm. Hành giả thành tựu 6 hạnh balamật, và trở thành như Ngài Quán Thế Âm, hoàn toàn chỉ để tâm đến sự an vui hạnh phúc của tất cả chúng sinh.

THANH TỊNH HOÁ CHÚNG SINH Ở ĐỊA NGỤC

Những tia sáng phóng chiếu từ bảo luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh ở các tầng địa ngục – những cực hình khốc liệt như lạnh buốt hoặc nóng cháy, bị nghiền nát, bị đun nấu, và bị cắt chém hoặc đánh đập. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của họ ra, các phiền não như sân hận, và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, họ phát triển từ-bi-hỷ-xả và bồ đề tâm. Họ thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

THANH TỊNH HOÁ NGA QUỶ

Những tia sáng phóng chiếu từ bảo luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh ở cõi ma đói –như sự đói khát khủng khiếp không làm sao tìm hoặc dùng được thực phẩm, kiệt lực, hãi sợ, nóng cháy hoặc lạnh buốt. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của họ ra, các phiền não như tham lam, và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, họ phát triển từ-bi-hỷ-xả và Bồ đề tâm. Họ thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

THANH TỊNH HOÁ SÚC SINH

Những tia sáng phóng chiếu từ bảo luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh ở cõi súc sinh –như đang bị rượt đuổi và bắt ăn, bị giam giữ hoặc bị ép buộc phải lao động cho con người, tật bệnh, nóng hoặc lạnh, kinh sợ, và ngu tối. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của chúng ra, các phiền não như ngu si, và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, chúng phát triển từ-bi-hỷ-xả và Bồ đề tâm. Chúng thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

THANH TỊNH HOÁ LOÀI NGƯỜI

Những tia sáng phóng chiếu từ kinh luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh ở cõi người –như mong cầu mà không được, bị mất những gì đang có, lo lắng, xuống tinh thần, bần cùng, chiến tranh, bệnh hoạn, và chết chóc. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của họ ra, các phiền não như tham ái, và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, họ phát triển từ-bi-hỷ-xả và Bồ đề tâm. Họ thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

THANH TỊNH HOÁ ATULA

Những tia sáng phóng chiếu từ kinh luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh ở cõi atula –như bị bức não vì tâm ganh ghét chur thiên, tâm thần bất an, chiến đấu và bại trận dưới tay chur thiên. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của họ ra, các phiền não như đố kỵ, và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, họ phát triển từ-bi-hỷ-xả và Bồ đề tâm. Họ thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

THANH TỊNH HOÁ CHƯ THIÊN

Những tia sáng phóng chiếu từ kinh luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh ở các cõi trời –như bị giam hãm ở cõi tabà vì vô minh và phiền não, vẫn hãi sợ phải tái sinh xuống các cõi thấp, và sự đau khổ cùng cực của cái chết. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của họ ra, các phiền não như kiêu mạn, và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào bảo luân rồi tan biến trong đó.

Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, họ phát triển từ-bi-hỷ-xả và bồ đề tâm. Họ thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

THANH TỊNH HOÁ CHÚNG SINH Ở CỠ TRUNG GIỚI

Những tia sáng phóng chiếu từ kinh luân kéo hút ra tất cả khổ đau của chúng sinh vừa lia đời và đang ở cõi trung giới. Đồng thời những tia sáng hút tất cả các ác nghiệp của họ ra, các phiền não và tất cả những ô nhiễm. Chúng mang hình tướng là những luồng khói đen bị hút hết vào kinh luân rồi tan biến trong đó. Trong khi những tia sáng đang phóng chiếu, họ phát triển từ-bi-hỷ-xả và bồ đề tâm. Họ thành tựu 6 hạnh balamật và đạt đến toàn giác như Phật Quán Thế Âm.

Hồi Hướng

*Nhờ công đức này xin cho con mau chóng thành tựu quả vị Phật Quán Thế Âm và dẫn độ tất cả chúng sinh, không sót 1 ai, đến quả vị giác ngộ này.
Mong rằng viên bảo châu vô thượng –bồ đề tâm– nếu chưa phát khởi, hãy phát khởi và tăng trưởng; và mong rằng khi đã phát khởi thì đừng suy giảm mà càng ngày càng gia tăng.
Mong rằng thọ mạng của các vị thị hiện qua xác thân người –Ngài Đạtlai Lạtma, các thiện tri thức, và tất cả bậc hiền thánh– được dài lâu và vững bền.
Do công đức này, mong rằng bất cứ chúng sinh nào, chỉ cần thấy, nghe, chạm, nói chuyện với, hoặc nghĩ về con thì ngay lập tức sẽ được thoát khỏi tất cả những khổ đau, tật bệnh, ác vong nhiều hại, ác nghiệp, phiền não, và tất cả ô nhiễm, và mong rằng họ sẽ mãi mãi an trú trong hạnh phúc cùng tột của toàn giác.*

Tóm Tắt Các Lợi Ích

Bảo luân đặc biệt trợ giúp hành giả phát triển đại bi tâm và Bồ đề tâm; nó giúp hành giả hoàn thành việc tích lũy các công đức sâu dày và thanh lọc các ô nhiễm ngũ hầu đạt đến giác ngộ trong khoảng thời gian ngắn nhất.

Bảo luân biểu hiện tất cả hạnh nghiệp của 10 phương chư Phật và chư Bồ tát. Với mục đích lợi lạc cho chúng sinh, chư Phật và chư Bồ tát hoá hiện trong bảo luân để tẩy trừ tất cả các ác nghiệp và ô nhiễm của chúng ta, và khiến cho chúng ta thực nghiệm được con đường đến giác ngộ. Tất cả chúng sinh trong khu vực chế tạo bảo luân đều được độ khỏi phải tái sinh xuống các cõi ác; họ sẽ được tái sinh vào cõi trời hoặc cõi người, hoặc cõi tịnh độ của chư Phật. Nếu bạn có 1 cái bảo luân trong nhà, thì căn nhà bạn sẽ không khác gì Phổ Đà sơn, cõi tịnh độ của Phật Quán Thế Âm. Nếu có bảo luân bên cạnh lúc bạn lìa trần, đó chính là 1 phương pháp để chuyển thân thức bạn đến cõi tịnh độ của Phật Adidà hoặc Phật Quán Thế Âm. Chỉ cần đụng chạm vào bảo châu thôi là đã có thể thanh lọc nghiệp chướng và ô nhiễm.

Bất cứ ai niệm câu chú lục tự trong khi chuyển kinh luân thì ngay lúc đó cơ nghiệp có thể sánh ngang với ngàn vị Phật.

Chuyển kinh luân thì thù thắng hơn là văn, tu, và tu cả vô lượng kiếp.

Chuyển kinh luân 1 lần cũng đủ hơn là bỏ ra cả ngàn năm tu 10 hạnh balamật. Nó còn hơn là bỏ ra vô lượng kiếp thuyết giảng và lắng nghe 3 tạng kinh điển và 4 tạng mật điển.

Bản dịch Việt ngữ: MinhKhông